

Số: **3844** KH-UBND

Quảng Trị, ngày **04** tháng **8** năm 2017

**KẾ HOẠCH  
TRIỂN KHAI CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN NĂM 2017  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thực hiện Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 9/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến 3 và 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương năm 2017; UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2017 trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ:**

Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị được UBND tỉnh đầu tư, triển khai tại địa chỉ <http://dichvucong.quangtri.gov.vn>; là địa chỉ duy nhất cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, thực hiện chức năng hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính (THC), tiếp nhận và tra hồ sơ qua mạng theo văn bản chỉ đạo số 2564/UBND-VX ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Công giao tiếp dịch vụ công (DVC) trực tuyến tỉnh Quảng Trị do Văn phòng UBND tỉnh trực tiếp quản lý, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng theo văn bản số 5086/UBND-VX ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử và văn bản số 2564/UBND-VX ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên địa bàn tỉnh năm 2016; đến nay đã cung cấp được 1.328 DVC trực tuyến mức độ 1; 946 DVC trực tuyến mức độ 2; 16 DVC trực tuyến mức độ 3 và 01 DVC trực tuyến mức độ 4; đồng thời đã kết nối dữ liệu với Cổng thông tin điện tử Chính phủ nhằm cung cấp thông tin về tiến độ giải quyết hồ sơ của tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/congdan/congkhaitiendogiaiquyethoso?categoryId=100003407>.

Thực hiện văn bản số 2779/VPCP-KGVX ngày 22/4/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2016; ngày 05/7/2016 UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành văn bản số 2564/UBND-VX về việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên địa bàn tỉnh năm 2016. Theo đó, UBND tỉnh giao các ngành và địa phương phải cung cấp 44 nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (từ mức độ 3 trở lên) trên Công giao tiếp DVC

trực tuyến của tỉnh: song do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan nên trong năm 2016, tỉnh Quảng Trị chỉ triển khai được 6 nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo danh mục các dịch vụ công trực tuyến ưu tiên thực hiện năm 2016 được ban hành tại văn bản số 2779/VPCP-KGVX ngày 22/4/2016 của Văn phòng Chính phủ.

Ngoài ra, còn có hơn 20 DVC trực tuyến mức độ 3 được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện Triệu Phong và UBND huyện Hương Hóa.

## **II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Công văn số 2779/VPCP-KGVX ngày 22/4/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2016;

Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến 3 và 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương năm 2017.

## **III. MỤC TIÊU:**

### **I. Mục tiêu chung:**

Kế hoạch nhằm thực hiện Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 9/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến 3 và 4

thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương năm 2017; qua đó góp phần vào việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và cải cách hành chính, tăng cường mức độ, phạm vi cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến; hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động cho người dân và doanh nghiệp, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước được minh bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- 100% dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến từ mức độ 2 trở lên trên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- 353 dịch vụ và 40 nhóm dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên trên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp.

## **IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH:**

### **1. Bao đảm các nguồn lực phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến:**

- Các sở, ban ngành và địa phương tổ chức rà soát, đề xuất mua máy tính, máy scan và các thiết bị tin học khác theo phương thức mua sắm tập trung của tỉnh nhằm hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ tốt cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên địa bàn tỉnh.

- Lãnh đạo các sở, ban ngành và địa phương chỉ đạo bố trí đủ cán bộ công chức có năng lực nhằm phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; tổ chức rà soát các quy trình, thủ tục hành chính do cơ quan, đơn vị mình cung cấp nhằm phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo sự hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả của Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quang Trị tại địa chỉ <http://dichvucong.quangtri.gov.vn> phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên địa bàn tỉnh.

### **2. Cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao theo Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 9/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ**

Các sở, ban ngành và địa phương cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quang Trị tại địa chỉ <http://dichvucong.quangtri.gov.vn> theo danh mục được ban hành kèm theo Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 9/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến 3 và 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương năm 2017 và văn bản số 2779/VPCP-KGVX ngày 22/4/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các dịch vụ công trực tuyến thực hiện năm 2016.

Danh mục các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao triển khai tại Quang Trị trong năm 2017 được trình bày chi tiết tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông:**

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh duy trì hoạt động của Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị. Đảm bảo các yêu cầu về mặt kỹ thuật (hệ thống máy chủ, đường truyền, phần mềm ứng dụng) để đảm bảo sự hoạt động thường xuyên, thông suốt Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị; giúp các cơ quan, đơn vị cung cấp tốt dịch vụ công trực tuyến trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trong việc chỉ đạo và hướng dẫn các các cơ quan báo chí, truyền thông, công trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, quảng bá để nâng cao nhận thức và thu hút các tổ chức, cá nhân ủng hộ và tham gia sử dụng các dịch vụ công trực tuyến được triển khai trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị.

- Tổng hợp thông tin phản hồi từ các tổ chức, cá nhân sử dụng Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu các kiến nghị, đề xuất của cơ quan thực hiện thu tục hành để đề xuất UBND tỉnh hướng khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng của Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị.

- Kiểm tra, đôn đốc và phối hợp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị.

### **2 Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:**

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị theo Kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2017. Vận hành, quản trị Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tỉnh Quảng Trị. Tạo và quản trị tài khoản người dùng, cập nhật dữ liệu kịp thời trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ trong việc kết nối liên thông ứng dụng Một cửa điện tử với Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị phục vụ các cơ quan, đơn vị triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị theo các phụ lục của kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2017. Tập huấn, hướng dẫn người dùng sử dụng Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị.

- Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

### **3. Sơ Nội vụ:**

Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sơ Thông tin và Truyền thông trong việc kết nối liên thông ứng dụng Một cửa điện tử với Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quang Trị phục vụ các cơ quan, đơn vị triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quang Trị theo các Phụ lục của Kế hoạch này.

### **4. Sơ Tài chính:**

Kịp thời tổng hợp, xem xét và tổ chức mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin theo nhu cầu đề xuất của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai tốt Kế hoạch này.

**5. Các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 triển khai trong năm 2017 có trách nhiệm:**

- Chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của cơ quan, đơn vị mình trong năm 2017 theo Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Chuẩn hóa các thủ tục hành chính, xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính và phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổ chức cung cấp trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; đồng thời đặt link liên kết Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quang Trị lên Công Trang Thông tin điện tử của các cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

- Chủ động bố trí cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giới thiệu các dịch vụ công của mình tới người dân và doanh nghiệp qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Báo cáo Sơ Thông tin và Truyền thông về tiến độ thực hiện Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị mình trong năm 2017.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn các xã, phường, thị trấn trực thuộc địa phương mình quản lý tổ chức cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo kế hoạch này.

**6. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quang Trị và các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh:**

Tô chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau để nâng cao nhận thức và thu hút các tổ chức, cá nhân ủng hộ và tham gia sử dụng các dịch vụ công trực tuyến được triển khai trong năm 2016 trên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quang Trị.

Trên đây là Kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quang Trị. UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. .

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VL, VN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Thức**

**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN NĂM 2016 CHƯA TRIỂN KHAI THEO VĂN BẢN SỐ 2564/UBND-VX NGÀY 05/7/2016 CỦA UBND TỈNH TIẾP TỤC TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2017**

*(Kể theo kế hoạch số 3844 KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Trị)*



**A. Cấp tỉnh**

| TT        | Nhóm dịch vụ  | Mức độ DVCTT |          | Đơn vị chủ trì              |
|-----------|---|--------------|----------|-----------------------------|
|           |   | Mức độ 3     | Mức độ 4 |                             |
| <b>I</b>  | <b>Đất đai, xây dựng</b>  |              |          |                             |
| 1         | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất   | X            |          | Sở Tài nguyên và Môi Trường |
| 2         | Chuyển đổi mục đích sử dụng đất   | X            |          | Sở Tài nguyên và Môi Trường |
| 3         | Tặng, thừa kế, thế chấp, giao, cho thuê quyền sử dụng đất                                     | X            |          | Sở Tài nguyên và Môi Trường |
| 4         | Cấp giấy phép xây dựng  | X            |          | Sở Xây dựng                 |
| 5         | Cấp phép quy hoạch xây dựng   | X            |          | Sở Xây dựng                 |
| <b>II</b> | <b>Doanh nghiệp</b>   |              |          |                             |
| 1         | Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | X            |          | Sở Công thương              |
| 2         | Cấp phép văn phòng đại diện   | X            |          | Sở Công thương              |
| 3         | Đăng ký giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh   | X            |          | Sở Công thương              |

| TT         | Nhóm dịch vụ  | Mức độ DVCTT |          | Đơn vị chủ trì                                      |
|------------|---|--------------|----------|---|
|            |   | Mức độ 3     | Mức độ 4 |   |
|            | xăng dầu  |              |          |   |
| 4          | Đăng ký giấy phép kinh doanh buôn bán các sản phẩm rượu | X            |          | Sở Công thương                                      |
| 5          | Cấp phép kinh doanh buôn bán sản phẩm thuốc lá          | X            |          | Sở Công thương                                      |
| 6          | Giấy phép khai thác thủy sản                            | X            |          | Sở Nông nghiệp và PTNT                              |
| 7          | Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm        | X            |          | Sở Nông nghiệp và PTNT                              |
| 8          | Cấp giấy chứng nhận kinh doanh thuốc                    | X            |          | Sở Y tế   |
| 9          | Cấp giấy chứng nhận đầu tư                              | X            |          | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh |
| <b>III</b> | <b>Người dân</b>  |              |          |   |
| 1          | Đăng ký hành nghề luật sư                               | X            |          | Sở Tư pháp  |
| 2          | Cấp chứng chỉ hành nghề dược                            | X            |          | Sở Y tế   |
| 3          | Cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề y tư nhân      | X            |          | Sở Y tế   |
| 4          | Cấp hộ chiếu công vụ, ngoại giao                        | X            |          | Sở Ngoại vụ   |
| 5          | Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng                   | X            |          | Sở Xây dựng   |



| TT        | Nhóm dịch vụ   | Mức độ DVCTT |          | Đơn vị chủ trì                   |
|-----------|--|--------------|----------|----------------------------------|
|           |  | Mức độ 3     | Mức độ 4 |                                  |
| 6         | Cấp chứng chỉ hành nghề cho kỹ sư, kiến trúc sư  | X            |          | Sở Xây dựng                      |
| 7         | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật đối với quảng cáo trên báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, ban ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương | X            |          | Sở Nông nghiệp và PN             |
| 8         | Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình  | X            |          | Sở Xây dựng                      |
| 9         | Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản  | X            |          | Sở Xây dựng                      |
| <b>IV</b> | <b>Giấy phép</b>   |              |          |                                  |
| 1         | Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp   | X            |          | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch |
| 3         | Cấp phép lao động cho người nước ngoài   | X            |          | Sở Lao động - TB và XII          |
| 4         | Cấp phép lĩnh vực tài nguyên nước  | X            |          | Sở Tài nguyên và Môi Trường      |
| 5         | Cấp phép khoáng sản  | X            |          | Sở Tài nguyên và Môi Trường      |
| 6         | Cấp phép thực hiện quảng cáo   | X            |          | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch |

**B. Cấp huyện:**

| TT | Nhóm dịch vụ   | Mức độ DVCTT |          | Đơn vị chủ trì   |
|----|--|--------------|----------|--|
|    |  | Mức độ 3     | Mức độ 4 |  |
| 1  | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất                    | X            |          | UBND các huyện, thị xã, thành phố<br>chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn<br>trực thuộc địa phương minh quan lý<br>tổ chức triển khai thực hiện |
| 2  | Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất                   | X            |          |  |
| 3  | Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ                         | X            |          |  |
| 4  | Cấp phép xây dựng các hoạt động sử dụng vỉa hè, lề đường | X            |          |  |
| 5  | Khai sinh có yếu tố nước ngoài                           | X            |          |  |
| 6  | Giám hộ có yếu tố nước ngoài                             | X            |          |  |

**B. Cấp xã**

| TT | Nhóm dịch vụ                     | Mức độ DVCTT |          | Đơn vị chủ trì   |
|----|----------------------------------|--------------|----------|--|
|    |                                  | Mức độ 3     | Mức độ 4 |  |
| 1  | Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ |              |          | UBND các huyện, thị xã, thành phố<br>chỉ đạo UBND các xã, phường, thị<br>trấn trực thuộc địa phương minh<br>quan lý tổ chức triển khai thực hiện |
| 2  | Khai sinh                        |              |          |  |
| 3  | Kết hôn                          |              |          |  |
| 4  | Đăng ký việc giám hộ             |              |          |  |



**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 VÀ 4 TRIỂN KHAI NĂM 2017**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 846/QĐ-TTG NGÀY 9/4/2017**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Kiểm tra Kế hoạch số 3844 KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Trị*

| TT        | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  | MỨC ĐỘ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN |          | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ     |
|-----------|---|--------------------------------|----------|--------------------|
|           |   | Mức độ 3                       | Mức độ 4 |                    |
| <b>A</b>  | <b>CẤP TỈNH</b>   |                                |          |                    |
| <b>I</b>  | <b>Ngoại giao</b>   |                                |          |                    |
| 1.        | Giải quyết thủ tục cho cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài | X                              |          | <b>Sở Ngoại vụ</b> |
| 2.        | Xin phép tiếp khách nước ngoài                                    | X                              |          |                    |
| 3.        | Đề nghị cho phép tổ chức hội nghị, hội thao quốc tế               | X                              |          |                    |
| <b>II</b> | <b>Tư pháp</b>  |                                |          |                    |
| 1.        | Cấp bản sao trích lục hộ tịch từ sổ hộ tịch                       | X                              |          | <b>Sở Tư pháp</b>  |
| 2.        | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng                               | X                              |          |                    |
| 3.        | Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật                                     | X                              |          |                    |
| 4.        | Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng                              | X                              | X        |                    |
| 5.        | Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự                         |                                | X        |                    |
| 6.        | Đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên                      | X                              | X        |                    |
| 7.        | Cấp lại Thẻ công chứng viên                                       |                                | X        |                    |
| 8.        | Thành lập Văn phòng công chứng                                    |                                | X        |                    |

|            |   |   |   |                  |
|------------|---|---|---|------------------|
| 9.         | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng  |   | X |                  |
| 10.        | Hợp nhất Văn phòng công chứng   |   | X |                  |
| 11.        | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất   |   | X |                  |
| 12.        | Sáp nhập Văn phòng công chứng   |   | X |                  |
| 13.        | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập                                  |   | X |                  |
| 14.        | Chuyển nhượng Văn phòng công chứng  |   | X |                  |
| 15.        | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng                             |   | X |                  |
| 16.        | Chuyển đổi văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập  | X |   |                  |
| 17.        | Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật  | X |   |                  |
| 18.        | Công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý   | X |   |                  |
| 19.        | Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý  | X |   |                  |
| 20.        | Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật               | X |   |                  |
| 21.        | Thay đổi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật | X |   |                  |
| 22.        | Xin thôi quốc tịch Việt Nam   | X |   |                  |
| 23.        | Nhập quốc tịch Việt Nam   | X |   |                  |
| 24.        | Trở lại quốc tịch Việt Nam  | X |   |                  |
| 25.        | Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước  | X |   |                  |
| <b>III</b> | <b>Nội vụ</b>   |   |   |                  |
| 1.         | Thành lập hội   | X |   | <b>Sở Nội vụ</b> |

|                      |   |   |  |                       |
|----------------------|---|---|--|-----------------------|
| 2.                   | Phê duyệt điều lệ hội   | X |  |                       |
| 3.                   | Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội  | X |  |                       |
| 4.                   | Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ  | X |  |                       |
| 5.                   | Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ                         | X |  |                       |
| 6.                   | Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ  | X |  |                       |
| 7.                   | Đổi tên quỹ   | X |  |                       |
| 8.                   | Tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương           | X |  |                       |
| 9.                   | Tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                 | X |  |                       |
| 10.                  | Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | X |  |                       |
| 11.                  | Tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc  | X |  |                       |
| 12.                  | Cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng   | X |  |                       |
| <b>IV Tài chính</b>  |   |   |  |                       |
| 1.                   | Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh   | X |  | <b>Sở Tài chính</b>   |
| <b>V Công Thương</b> |   |   |  |                       |
| 1.                   | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.   | X |  | <b>Sở Công thương</b> |
| 2.                   | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.   | X |  |                       |
| 3.                   | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.                              | X |  |                       |
| 4.                   | Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.   | X |  |                       |

|     |   |   |  |
|-----|---|---|--|
| 5.  | Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.   | x |  |
| 6.  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.  | x |  |
| 7.  | Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).  | x |  |
| 8.  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).   | x |  |
| 9.  | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).  | x |  |
| 10. | Cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương.                       | x |  |
| 11. | Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương.                     | x |  |
| 12. | Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương.  | x |  |
| 13. | Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương.  | x |  |
| 14. | Xác nhận khai báo hóa chất sản xuất.  |   |  |
| 15. | Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.                              | x |  |
| 16. | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | x |  |
| 17. | Thông báo thực hiện khuyến mại.   | x |  |
| 18. | Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.  | x |  |
| 19. | Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm  | x |  |

|           |  |   |  |  |
|-----------|--|---|--|--|
|           | thương mại tại Việt Nam.   |   |  |  |
| 20.       | Đăng ký hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương.                                  | X |  |  |
| 21.       | Cấp Giấy xác nhận nội dung quang cáo thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.  |   |  | X  |
| 22.       | Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quang cáo thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.  |   |  | X  |
| 23.       | Xác nhận thông báo hoạt động bán hàng đa cấp.  |   |  | X  |
| 24.       | Xác nhận thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.  |   |  | X  |
| 25.       | Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại.  | X |  |  |
| 26.       | Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại.   | X |  |  |
| 27.       | Xác nhận Ban cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công.                                 | X |  |  |
| 28.       | Đăng ký thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.   | X |  |  |
| 29.       | Đăng ký hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.   | X |  |  |
| <b>VI</b> | <b>Lao động - Thương binh và Xã hội</b>  |   |  |  |
| 1.        | Đăng ký nội quy lao động   | X |  | <b>Sở Lao động -<br/>Thương binh và<br/>Xã hội</b> |
| 2.        | Thông báo làm thêm giờ từ 200 giờ đến 300 giờ/năm  | X |  |  |
| 3.        | Cấp giấy giới thiệu di chuyển chế độ với người có công   | X |  |  |
| 4.        | Xét duyệt hồ sơ liệt sĩ và thân nhân liệt sĩ   | X |  |  |
| 5.        | Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ  | X |  |  |
| 6.        | Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động | X |  |  |

|                                      |   |   |  |                                     |
|--------------------------------------|---|---|--|-------------------------------------|
| 7.                                   | Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động   | X |  |                                     |
| 8.                                   | Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động         | X |  |                                     |
| 9.                                   | Giai quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động | X |  |                                     |
| 10.                                  | Dăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày  | X |  |                                     |
| 11.                                  | Dăng ký hợp đồng cá nhân  | X |  |                                     |
| <b>VII Thông tin và Truyền thông</b> |   |   |  |                                     |
| 1.                                   | Cấp phép nhập khẩu xuất ban phẩm không kinh doanh   | X |  |                                     |
| 2.                                   | Cấp, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất ban phẩm  | X |  |                                     |
| 3.                                   | Cấp giấy phép xuất ban tài liệu không kinh doanh  | X |  |                                     |
| 4.                                   | Cấp giấy phép chế ban, in, gia công sau in cho nước ngoài   | X |  |                                     |
| 5.                                   | Cấp giấy phép hoạt động in  | X |  |                                     |
| 6.                                   | Dăng ký hoạt động cơ sở in  | X |  |                                     |
| 7.                                   | Cấp giấy phép thu các chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh                                      | X |  | <b>Sở Thông tin và Truyền thông</b> |
| 8.                                   | Cấp giấy phép xuất ban ban tin  | X |  |                                     |
| 9.                                   | Cấp phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phòng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí    | X |  |                                     |
| 10.                                  | Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động in   | X |  |                                     |
| 11.                                  | Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in   | X |  |                                     |
| 12.                                  | Dăng ký sử dụng, chuyên nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu                                 | X |  |                                     |



|     |   |   |  |
|-----|---|---|--|
| 13. | Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm  | x |  |
| 14. | Cấp giấy phép in gia công cho nước ngoài sản phẩm không phải là xuất bản phẩm đối với cơ sở in của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa phương   | x |  |
| 15. | Thông báo thời gian chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng   | x |  |
| 16. | Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng   | x |  |
| 17. | Thông báo thời gian chính thức cung cấp trò chơi điện tử qua mạng   | x |  |
| 18. | Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng đã được phê duyệt  | x |  |
| 19. | Thông báo thời gian chính thức bắt đầu cung cấp trò chơi G2, G3, G4 trên mạng cho công cộng   | x |  |
| 20. | Thông báo thay đổi tên miền trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thể loại trò chơi (G2, G3, G4)   | x |  |
| 21. | Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng | x |  |
| 22. | Cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp  | x |  |
| 23. | Cho phép hợp báo (trong nước)   | x |  |
| 24. | Cấp giấy phép hợp báo   | x |  |

|   |  |   |   |   |
|---|--|---|---|---|
| 25.   | Trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài        | X |   |   |
| 26.   | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính   | X |   |   |
| <b>VIII Giáo dục và Đào tạo</b>               |  |   |   |   |
| 1.  | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ số gốc  | X | X | <b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>                 |
| 2.  | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ   | X |   |   |
| 3.  | Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp   | X |   |   |
| 4.  | Chuyên trường đối với học sinh trung học phổ thông   | X |   |   |
| 5.  | Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học   | X |   |   |
| 6.  | Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài  | X |   |   |
| 7.  | Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam  | X |   |   |
| 8.  | Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số;                                  | X |   |   |
| 9.  | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người Kinh thuộc hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; | X |   |   |
| 10.   | Dăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia  | X |   |   |
| 11.   | Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia   | X |   |   |
| 12.   | Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông  | X |   |   |
| <b>IX Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> |  |   |   |   |
| 1.  | Cấp chứng chỉ hành nghề thú y  | X | X | <b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> |
| 2.  | Gia hạn Giấy phép khai thác thủy sản   | X | X |   |

| X   | Y tế  |   |   |                |                |
|-----|---|---|---|----------------|----------------|
| 1.  | Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế  |   | x | <b>Sở Y tế</b> |                |
| 2.  | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế  |   | x |                |                |
| 3.  | Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn của Chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                           |   | x |                |                |
| 4.  | Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | x |   |                |                |
| 5.  | Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế  | x |   |                |                |
| 6.  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế  | x |   |                |                |
| 7.  | Cấp lại giấy chứng nhận là Lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế   | x |   |                |                |
| 8.  | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế   |   | x |                |                |
| 9.  | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A   |   | x |                |                |
| 10. | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D   |   | x |                |                |
| 11. | Cấp giấy phép hoạt động khi thay đổi tên đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh   | x |   |                |                |
| 12. | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi.   | x |   |                |                |
| 13. | Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn kỹ thuật               | x |   |                | <b>Sở Y tế</b> |
| 14. | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện việc khám sức khỏe thuộc thẩm quyền của Sở Y tế  | x |   |                |                |

|     |  |   |   |
|-----|--|---|---|
| 15. | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền của Sở Y tế   | X |   |
| 16. | Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế  | X |   |
| 17. | Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế  | X |   |
| 18. | Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện   | X |   |
| 19. | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền  | X |   |
| 20. | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm  | X |   |
| 21. | Cho phép áp dụng thi điểm chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế   |   | X |
| 22. | Cho phép áp dụng chính thức chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế |   | X |
| 23. | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                                      |   | X |
| 24. | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                                      |   | X |
| 25. | Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chủ thập do lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                             |   | X |
| 26. | Cấp lại Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ   |   | X |

|     |   |   |   |                |
|-----|---|---|---|----------------|
|     | sơ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh  |   |   |                |
| 27. | Cấp lại Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền       |   | X | <b>Sở Y tế</b> |
| 28. | Cấp lại Giấy phép hoạt động cho trạm sơ cấp cứu chữ thập do khi thay đổi địa điểm   | X |   |                |
| 29. | Cấp lại Giấy phép hoạt động cho trạm sơ cấp cứu chữ thập do khi bị mất, rách, hỏng  | X |   |                |
| 30. | Cấp Giấy xác nhận nội dung quang cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh   | X |   |                |
| 31. | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quang cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quang cáo | X |   |                |
| 32. | Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quang cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng  | X |   |                |
| 33. | Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quang cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng   | X |   |                |
| 34. | Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quang cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT   | X |   |                |
| 35. | Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quang cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quang cáo.  | X |   |                |
| 36. | Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước   | X |   |                |
| 37. | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quang cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực   |   | X |                |

|     |   |   |  |   |
|-----|---|---|--|---|
|     | phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng   |   |  |   |
| 38. | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quang cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT   |   |  | X |
| 39. | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quang cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quang cáo           | X |  |   |
| 40. | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quang cáo đối với hình thức quang cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng   | X |  |   |
| 41. | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quang cáo đối với hình thức quang cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quang cáo | X |  |   |
| 42. | Bỏ nhiệm giám định viên pháp y  |   |  | X |
| 43. | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế  | X |  |   |
| 44. | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế  | X |  |   |
| 45. | Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế   | X |  |   |
| 46. | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp   | X |  |   |
| 47. | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp  | X |  |   |

Sở Y tế

|           |   |   |  |                                 |
|-----------|---|---|--|---------------------------------|
| <b>XI</b> | <b>Khoa học và Công nghệ</b>  |   |  |                                 |
| 1.        | Công bố sử dụng dấu định lượng  | X |  | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b> |
| 2.        | Điều chỉnh nội dung ban công bố sử dụng dấu định lượng  | X |  |                                 |
| 3.        | Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu   | X |  |                                 |
| 4.        | Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận  | X |  |                                 |
| 5.        | Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh  | X |  |                                 |
| 6.        | Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận             | X |  | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b> |
| 7.        | Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh | X |  |                                 |
| 8.        | Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ   | X |  |                                 |
| 9.        | Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ và các chất ăn mòn bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ  | X |  |                                 |
| 10.       | Xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia  | X |  |                                 |
| 11.       | Đăng ký chủ trì thực hiện dự án do Trung ương ủy quyền cho địa  | X |  |                                 |

|     |  |   |  |                                 |
|-----|--|---|--|---------------------------------|
|     | phương quản lý thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tái sản tri tuệ  |   |  |                                 |
| 12. | Cấp giấy chứng nhận tổ chức du điều kiện hoạt động giám định sơ hữu công nghiệp  | X |  |                                 |
| 13. | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức du điều kiện hoạt động giám định sơ hữu công nghiệp  | X |  |                                 |
| 14. | Cấp lại giấy phép thiết bị X-quang sử dụng trong y tế  | X |  |                                 |
| 15. | Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế   | X |  |                                 |
| 16. | Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)   | X |  |                                 |
| 17. | Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)   | X |  |                                 |
| 18. | Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)  | X |  |                                 |
| 19. | Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)   | X |  | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b> |
| 20. | Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)   | X |  |                                 |
| 21. | Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.  | X |  |                                 |
| 22. | Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. | X |  |                                 |
| 23. | Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính        | X |  |                                 |



|     |   |   |  |                                 |
|-----|---|---|--|---------------------------------|
|     | mạng, sức khỏe con người.   |   |  |                                 |
| 24. | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | X |  |                                 |
| 25. | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.  | X |  |                                 |
| 26. | Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.   | X |  |                                 |
| 27. | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ   | X |  |                                 |
| 28. | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ   | X |  |                                 |
| 29. | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ  | X |  |                                 |
| 30. | Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ   | X |  | <b>Số Khoa học và Công nghệ</b> |
| 31. | Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ   | X |  |                                 |
| 32. | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ  | X |  |                                 |
| 33. | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)   | X |  |                                 |
|     |   |   |  |                                 |
| 34. | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học  | X |  |                                 |

|            |  |   |  |  |
|------------|--|---|--|--|
|            | và Công nghệ)  |   |  |  |
| 35.        | Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ   | X |  |  |
| 36.        | Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ   | X |  |  |
| 37.        | Sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ   | X |  |  |
| 38.        | Thăm tra công nghệ các dự án đầu tư  | X |  |  |
| <b>XII</b> | <b>Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>  |   |  |  |
| 1.         | Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)   | X |  | <b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b> |
| 2.         | Cấp giấy phép tổ chức lễ hội   | X |  |  |
| 3.         | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thông báo đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan (Điều 10, 12 Nghị định 72/2016/NĐ-CP). | X |  |  |
| 4.         | Cấp giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa anh hùng dân tộc, lãnh tụ  | X |  |  |
| 5.         | Tiếp nhận thông báo sản phẩm quang cáo trên bang quang cáo, bảng rôn   | X |  |  |
| 6.         | Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quang cáo   | X |  |  |
| 7.         | Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức địa phương   | X |  | <b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b> |
| 8.         | Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu  | X |  |  |
| 9.         | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế   | X |  |  |
| 10.        | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa   | X |  |  |
| 11.        | Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch   | X |  |  |

|     |   |   |  |  |
|-----|---|---|--|--|
| 12. | Đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch  | X |  |  |
| 13. | Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam<br>a) Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp: Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác;<br>b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác;<br>c) Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài<br>Thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập | X |  |  |
| 14. | Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam   | X |  |  |
| 15. | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam  | X |  |  |
| 16. | Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy  | X |  |  |
| 17. | Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam   | X |  |  |
| 18. | Cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch  | X |  | <b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b> |
| 19. | Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch vào Việt Nam   | X |  |  |
| 20. | Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch ra nước ngoài.   | X |  |  |

|     |   |   |  |  |
|-----|---|---|--|--|
| 21. | Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)   | x |  |  |
| 22. | Cấp giấy phép khai quật khảo cổ   | x |  |  |
| 23. | Cấp giấy phép đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia  | x |  |  |
| 24. | Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch   | x |  |  |
| 25. | Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch   | x |  |  |
| 26. | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.   | x |  |  |
| 27. | Cấp giấy phép phổ biến phim<br>(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;<br>- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:<br>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;<br>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến) | x |  |  |
| 28. | Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)   | x |  |  |
| 29. | Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch   | x |  |  |
| 30. | Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương   | x |  | <b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b> |
| 31. | Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí  | x |  |  |

|     |  |   |   |
|-----|--|---|---|
|     | thê thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ  |   |   |
| 32. | Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu  | x |   |
| 33. | Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu   | x |   |
| 34. | Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu   | x |   |
| 35. | Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng  | x |   |
| 36. | Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc  | x |   |
| 37. | Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam  | x |   |
| 38. | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm   | x |   |
| 39. | Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”  | x |   |
| 40. | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam  | x |   |
| 41. | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam                                       | x |   |
| 42. | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam  | x |   |
| 43. | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia   |   | x |
| 44. | Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương |   | x |
| 45. | Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia   |   | x |

|                                      |  |   |   |                                    |
|--------------------------------------|--|---|---|------------------------------------|
| 46.                                  | Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích  |   | x |                                    |
| 47.                                  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích  |   | x |                                    |
| 48.                                  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích   |   | x |                                    |
| 49.                                  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích   |   | x |                                    |
| 50.                                  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.  |   | x |                                    |
| 51.                                  | Đòi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình   |   | x |                                    |
| 52.                                  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình  |   | x |                                    |
| 53.                                  | Đòi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình  |   | x |                                    |
| 54.                                  | Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình   |   | x |                                    |
| 55.                                  | Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình   |   | x |                                    |
| 56.                                  | Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu   | x |   |                                    |
| 57.                                  | Tiếp nhận thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không bán vé thu tiền tại các cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát.  | x |   |                                    |
| 58.                                  | Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương   | x |   |                                    |
| <b>XIII Tài nguyên và Môi trường</b> |  |   |   |                                    |
| 1.                                   | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền | x |   | <b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b> |

|            |  |   |   |                                     |
|------------|--|---|---|-------------------------------------|
|            | với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng                                    |   |   |                                     |
| <b>XIV</b> | <b>Giao thông vận tải</b>  |   |   |                                     |
| 1.         | Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Lào và Việt Nam - Campuchia                            |   | x | <b>Sở Giao thông vận tải</b>        |
| 2.         | Cấp, đổi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; cấp, đổi biển hiệu, phù hiệu xe ô tô |   | x |                                     |
| <b>XV</b>  | <b>Thi đua – khen thưởng</b>   |   |   |                                     |
| 1.         | Xét duyệt hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến                              | x |   | <b>Ban Thi đua khen thưởng tỉnh</b> |
| <b>XVI</b> | <b>UBND tỉnh</b>   |   |   |                                     |
| 1.         | Châm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân   | x |   | <b>Văn phòng UBND tỉnh</b>          |
| 2.         | Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ quan tổ chức, cá nhân           | x |   |                                     |
| 3.         | Thành lập Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động - Xã hội                             | x |   |                                     |
| 4.         | Giải thể Trung tâm Giáo dục - Lao động - Xã hội  | x |   |                                     |
| 5.         | Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân  | x |   |                                     |
| 6.         | Cấp giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý   | x |   |                                     |
| <b>B</b>   | <b>CẤP HUYỆN</b>   |   |   |                                     |
| <b>I</b>   | <b>Tư pháp</b>   |   |   |                                     |
| 1.         | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài   | x |   |                                     |
| 2.         | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài   | x |   |                                     |
| 3.         | Cấp bản sao trích lục hộ tịch  | x |   |                                     |
| 4.         | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực            | x |   |                                     |

|            |   |   |  |   |
|------------|---|---|--|---|
| 5.         | Cấp bản sao từ sổ gốc   | x |  | UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn trực thuộc địa phương mình quản lý tổ chức triển khai thực hiện |
| 6.         | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | x |  |   |
| 7.         | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch   | x |  |   |
| 8.         | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.                           | x |  |   |
| 9.         | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                 | x |  |   |
| 10.        | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực tại Phòng Tư pháp                     | X |  |   |
| <b>II</b>  | <b>Nội vụ</b>   |   |  |   |
| 1.         | Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị                    | x |  |   |
| 2.         | Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến   | x |  |   |
| 3.         | Tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa   | x |  |   |
| 4.         | Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở   | x |  |   |
| 5.         | Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến   | x |  |   |
| 6.         | Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề                     | x |  |   |
| 7.         | Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích đợt xuất  | x |  |   |
| 8.         | Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về khen thưởng đối ngoại                                      | x |  |   |
| <b>III</b> | <b>Công Thương</b>  |   |  |   |



|  |  |   |  |  |
|--|--|---|--|--|
| 1.   | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.   | x |  |  |
| 2.   | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.   | x |  |  |
| 3.   | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.  | x |  |  |
| <b>IV Lao động - Thương binh và Xã hội</b> |  |   |  |  |
| 1.   | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện         | x |  |  |
| 2.   | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện | x |  |  |
| 3.   | Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện   | x |  |  |
| 4.   | Thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện            | x |  |  |
| 5.   | Thay đổi tên gọi, trụ sở làm việc của Trung tâm công tác xã hội  | x |  |  |
| 6.   | Cấp giấy chứng nhận con thương binh, bệnh binh, liệt sĩ, người có công   | x |  |  |
| 7.   | Đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh   | x |  |  |
| 8.   | Đề nghị trợ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng.   | x |  |  |
| 9.   | Cấp lại thẻ Bảo hiểm y tế cho hộ nghèo   | x |  |  |
| 10.  | Xác nhận hồ sơ đề nghị giải quyết hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội   | x |  |  |
| 11.  | Xét duyệt đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí, miễn giảm học phí  | x |  |  |

UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn trực thuộc địa phương mình quản lý tổ chức triển khai thực hiện

|             |  |   |  |  |
|-------------|--|---|--|--|
| <b>V</b>    | <b>Thông tin và Truyền thông</b>   |   |  |  |
| 1.          | Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy   | x |  |  |
| 2.          | Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy  | x |  |  |
| <b>VI</b>   | <b>Giáo dục và Đào tạo</b>   |   |  |  |
| 1.          | Chuyên trường đối với học sinh trung học cơ sở   | x |  |  |
| 2.          | Chuyên trường đối với học sinh tiểu học  | x |  |  |
| 3.          | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc  | x |  |  |
| <b>VII</b>  | <b>Kế hoạch và Đầu tư</b>  |   |  |  |
| 1.          | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh  | x |  |  |
| 2.          | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh  | x |  |  |
| 3.          | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh  | x |  |  |
| 4.          | Thông báo tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh (tự nguyện)  | x |  |  |
| 5.          | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (tự nguyện chấm dứt hoạt động)  | x |  |  |
| <b>VIII</b> | <b>Tài nguyên và Môi trường</b>  |   |  |  |
| 1.          | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng | x |  |  |
| <b>C</b>    | <b>CẤP XÃ</b>  |   |  |  |
| <b>I</b>    | <b>Tư pháp</b>   |   |  | UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND các xã, |
| 1.          | Cấp bản sao trích lục hộ tịch  | x |  |  |
| 2.          | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.   | x |  |  |

|           |   |   |  |  |
|-----------|---|---|--|--|
| 3.        | Công nhận tuyên truyền viên pháp luật                                 | x |  | phường, thị trấn trực thuộc địa phương mình quản lý tổ chức triển khai thực hiện |
| <b>II</b> | <b>Lao động, thương binh và xã hội</b>                                |   |  |  |
| 1.        | Cấp giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ                             | x |  |  |
| 2.        | Xác nhận đề nghị cấp lại thẻ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ | x |  |  |